TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ – ST
Ngày 02 - 11 - 2018
V/v Ly hôn tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Lê Thị Bích Thuần

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện B, , tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

.NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, rồi tự nguyện đi đến hôn

nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà anh T ở Thôn Th, xã T, huyện B, , tỉnh Vĩnh Phúc; tình cảm vợ chồng thời gian đầu H thuận hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày nên từ tháng 4/2017 chị về nhà mẹ đẻ ở Thôn Ph, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ đó cho đến nay, mặc dù trong thời gian mới sống ly thân có lần anh T đến đón chị về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nếu tiếp tục chung sống thì cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Tđể cả hai có cơ hội tạo lập cuộc sống mới.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 27/9/2016, hiện nay cháu Tấn đang ở với chị, ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tấn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn MIDORI APPAREL VIỆT NAM; Địa chỉ: Lô CN 10, khu công nghiệp Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với mức thu nhập 6.500.000 đồng/tháng

Về chia tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đã có nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 4 năm 2017 chị H đã về nhà bố mẹ chị H sinh sống từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh cũng đã nhiều lần đến đón chị H về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng chị H cương quyết không về, tại biên bản H giải lần thứ nhất 1 anh đồng ý ly hôn và giao cháu Tấn cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng nhưng sau đó anh thay đổi quan điểm anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H giao cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tấn.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị Hoà là vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 27/9/2016, hiện nay cháu Tấn đang ở với chị H, ly hôn anh xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tấn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay anh làm nghề tự do thu nhập khoảng 5.000.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H, anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; giao cháu Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 27/9/2016, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, vì chị H không yêu cầu; về chia tài sản do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Tvà đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T đang cư trú tại Thôn Th, xã T, huyện B, , tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T đều thừa nhận vợ chồng anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành H giải giữa các đương sự nhưng không thành; những lần làm việc tại Tòa và tại phiên tòa chị H đều khẳng định tình cảm với anh T không còn việc đoàn tụ là không thể, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; đối với anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, tại biên bản H giải lần thứ nhất anh T nhất trí ly hôn và giao cháu Tấn cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng sau đó anh thay đổi quan điểm chỉ đồng ý ly hôn khi chị H giao cháu Tấn cho anh nuôi dưỡng. Xét quan điểm không đồng ý ly hôn của anh T là không có căn cứ, bởi lẽ bản thân anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ

chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện tại vợ chồng sống ly thân đã lâu; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 27/9/2016, hiện nay cháu Tấn đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H tha thiết xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tấn và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt; quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã H giải nhiều lần, lần thứ nhất anh T đồng ý giao cháu Tấn cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng sau đó anh T thay đổi quan điểm xin được nuôi cháu Tấn. Xét nguyện vọng xin được nuôi cháu Tấn của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, mặt khác cũng là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Hiện tại chị H làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn MIDORI APPAREL VIỆT NAM, thu nhập 6.500.000đồng/1 tháng; anh T làm nghề tự do thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/1tháng. Xét thấy, cả chị H và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi cháu Tấn nhưng hiện nay cháu Tấn còn nhỏ dưới 3 tuổi và đang ở cùng chị H; để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu Tấn và phù hợp với qui định tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Tấn cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H vì chị H không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tấn mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu Tấn thì anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Tấn, sinh ngày 27/9/2016; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, anh T có quyền chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0003107 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Thái **Nguyễn Đức Tiến** **Trần Thị Lan**

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

iều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ qu an, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP

Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;

b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;

c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng H xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tiến **Lê Thị Bích Thuần** **Trần Thị Lan**